

**BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: **448** /LĐTBXH-VP

Hà Nội, ngày **4** tháng **2** năm 2015

V/v trả lời kiến nghị của cử tri
gửi tới kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá
XIII về lĩnh vực bảo trợ xã hội, giảm
nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giữ ngày **05/2**

Kính chuyển: **V**

Kính gửi: Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện công văn số 488/BDN ngày 05/12/2014 của Ban Dân nguyện và công văn số 10247/VPCP-V.III ngày 22/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XIII về lĩnh vực bảo trợ xã hội, giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội; Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xin báo cáo như sau:

I. VỀ CHÍNH SÁCH BẢO TRỢ XÃ HỘI

1. Nhóm kiến nghị về mở rộng, bổ sung thêm đối tượng khó khăn được hưởng chính sách bảo trợ xã hội (Kiến nghị số 105, 106, 109, 110, 111, 112, 114 - Cử tri tỉnh An Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, Khánh Hòa, Hưng Yên, Hải Dương, Bình Thuận, Tiền Giang, Bến Tre, Thái Bình, Sóc Trăng, Vĩnh Phúc, Đồng Nai, Nam Định, Bình Dương, Hải Phòng).

a) Về hạ độ tuổi đối với người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

Trong thời gian vừa qua Bộ đã 3 lần trình Chính phủ ban hành văn bản hạ độ tuổi hưởng trợ cấp xã hội: (i) Nghị định số 30/2002/NĐ-CP ngày 26/3/2002 quy định Người cao tuổi từ 90 tuổi trở lên được hưởng trợ cấp xã hội, (ii) Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 quy định giảm độ tuổi người cao tuổi xuống còn 85 tuổi; (iii) Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người cao tuổi một lần nữa giảm độ tuổi người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội xuống còn 80 tuổi là cố gắng rất lớn của Chính phủ trong thời điểm nền kinh tế, nguồn thu ngân sách đang khó khăn. Đồng thời, Bộ đã trình Chính phủ ban hành nhiều chính sách hỗ trợ đối với các hộ gia đình thuộc vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa có hoàn cảnh khó khăn, trong đó nhiều hộ có người cao tuổi, như chính sách hỗ trợ tiền điện, hỗ trợ gạo cứu đói... đã góp phần bảo đảm đời sống cho các hộ gia đình. Trong thời gian tới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ nghiên cứu cải cách chính sách trợ giúp xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của nước ta để trình Chính phủ, Quốc hội xem xét quyết định.

b) Về mở rộng đối tượng người cao tuổi đang hưởng các chính sách khác được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật người cao tuổi thì đối tượng người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng. Đây là chính sách “trợ giúp xã hội” đối với người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên không có nguồn thu nhập (như lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội) hàng tháng nhằm hỗ trợ để người cao tuổi bớt khó khăn trong cuộc sống, không phải là chính sách “ưu đãi” người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên nói chung.

2. Kiến nghị cấp thẻ BHYT miễn phí cho người cao tuổi đang hưởng tuất (Kiến nghị số 113, 115 - Cử tri thành phố Hồ Chí Minh, Lào Cai)

Theo quy định tại Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế thì người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng do tổ chức bảo hiểm xã hội đóng bảo hiểm y tế. Như vậy, người cao tuổi từ đủ 80 tuổi đang hưởng tuất bảo hiểm xã hội đã thuộc diện được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

3. Kiến nghị về tổ chức bộ máy của Hội người cao tuổi, chính sách cho người hoạt động trong lĩnh vực người cao tuổi (Kiến nghị số 112, 119, 120 - Cử tri tỉnh Bình Dương, Lào Cai, Hải Dương, Vĩnh Phúc)

Vấn đề về tổ chức bộ máy của Hội người cao tuổi, chế độ, thù lao đối với đối tượng là Phó Chủ tịch, Chi hội trưởng Hội người cao tuổi, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các Chi hội ở cơ sở không thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Đề nghị Ban Dân nguyện chuyển kiến nghị này đến cơ quan có chức năng nghiên cứu, trả lời.

4. Kiến nghị chính sách cho người cao tuổi vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo (Kiến nghị số 116, 117 - Cử tri tỉnh Long An, Yên Bái)

Về hạ độ tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người cao tuổi là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xin tiếp thu ý kiến của cử tri để phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu, đề xuất Chính phủ trong thời gian tới.

5. Kiến nghị đề xuất nâng mức trợ cấp, sớm triển khai thực hiện Nghị định số 136/2014/NĐ-CP (Kiến nghị số 108, 121, 122, 123, 130, 136, 141 - Cử tri tỉnh Bắc Giang, Long An, Ninh Thuận, Cao Bằng, Nam Định, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Bình Thuận, Tiền Giang, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Phú Thọ)

Nghị định số 136/2013/NĐ-CP được ban hành ngày 21 tháng 10 năm 2013, thời điểm ban hành sau thời gian lập, tổng hợp dự toán ngân sách nhà

nước năm 2014 nên ngân sách Trung ương năm 2014 chưa bố trí được kinh phí triển khai. Vì vậy, ngày 31/12/2013, tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2013, Chính phủ đã có Nghị quyết số 142/NQ-CP về việc chưa thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP.

Để bảo đảm đời sống cho đối tượng xã hội có hoàn cảnh khó khăn, tại phiên họp thường kỳ tháng 9 năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2014, trong đó quy định thực hiện mức trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2014 của Chính phủ đối với người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng thuộc hộ nghèo (trong đó có người cao tuổi, người khuyết tật), trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi không có nguồn nuôi dưỡng, đối tượng sống trong cơ sở bảo trợ xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP. Đồng thời Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã có văn bản số 4989/LĐTBXH-BTXH ngày 26/12/2014 hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc thực hiện Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

6. Kiến nghị về xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật (Kiến nghị số 21, 134 – Cử tri tỉnh Hưng Yên, Bình Định)

Theo quy định của Luật người khuyết tật thì việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện. Trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật thân kinh do thiếu trang thiết bị thì Hội đồng xác định mức độ khuyết tật chuyển Hội đồng giám định y khoa thực hiện. Việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Liên Bộ Y tế, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

7. Cử tri đề nghị có chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế miễn phí cho người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên - đối với các đối tượng không được hưởng lương hưu (Kiến nghị số 118 – Cử tri thành phố Hồ Chí Minh)

Chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên (đối với các đối tượng không được hưởng lương hưu) không thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Đề nghị Ban Dân nguyện chuyển kiến nghị này đến cơ quan có chức năng nghiên cứu, trả lời.

8. Đề nghị quan tâm đến người cao tuổi hơn nữa, đặc biệt là người cao tuổi bị mù, lòa gặp khó khăn trong cuộc sống. Đồng thời có hướng dẫn cách tính tuổi Chức thọ để thống nhất thực hiện tại các địa phương (Kiến nghị số 125 – Cử tri tỉnh Hưng Yên)

Theo quy định hiện hành, người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng là người cao tuổi được hưởng hệ số trợ cấp xã hội cao hơn so với người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng nói chung. Cụ thể, người khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng hệ số trợ cấp xã hội là hai phẩy không (2,0), người cao tuổi khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng hệ số cao hơn là hai phẩy năm (2,5); người khuyết tật nặng được hưởng hệ số trợ cấp xã hội là một phẩy năm (1,5), người cao tuổi là người khuyết tật nặng được hưởng hệ số cao hơn là hai phẩy không (2,0).

Về Chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi, Điều 21 Luật Người cao tuổi quy định: “Người thọ 100 tuổi được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chúc thọ và tặng quà. Người thọ 90 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chúc thọ và tặng quà”. Đối với trường hợp chưa xác định được ngày tháng năm sinh thì thực hiện theo điểm h, Mục 5 Phần II của Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp. Cụ thể như sau:

- Đối với người chưa có hồ sơ, giấy tờ cá nhân ghi về ngày, tháng sinh thì ngày, tháng sinh được xác định theo lời khai của người yêu cầu bổ sung, có xác nhận của người làm chứng.

- Đối với những người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân như: Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân, học bạ, bằng tốt nghiệp, lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên mà trong các hồ sơ, giấy tờ đã ghi thống nhất về ngày sinh, tháng sinh, thì xác định theo ngày, tháng sinh đó. Trường hợp ngày, tháng sinh ghi trong các hồ sơ, giấy tờ nói trên của người đó không thống nhất, thì xác định theo ngày, tháng sinh trong hồ sơ, giấy tờ được lập đầu tiên.

- Trong trường hợp không xác định được ngày, tháng sinh theo hướng dẫn trên thì ngày, tháng sinh là ngày 01 tháng 01.

9. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, chưa hỗ trợ cho hộ cận nghèo, đề nghị Chính phủ xem xét hỗ trợ cho hộ cận nghèo (Kiến nghị số 127 – Cử tri tỉnh An Giang).

Hiện nay, do điều kiện ngân sách nhà nước khó khăn nên chưa thể mở rộng đối tượng được hỗ trợ tiền điện cho hộ cận nghèo được. Khi nào điều kiện ngân sách của đất nước cho phép sẽ mở rộng đối tượng hộ cận nghèo được hỗ trợ tiền điện.

10. Hộ nghèo hiện nay được hỗ trợ tiền điện 30.000 đ/tháng. Cử tri đề nghị không hỗ trợ khoản này, hộ nghèo có thể tự giải quyết được việc thấp sáng. Đề nghị dành khoản tiền trên vào việc xây nhà, tạo nguồn vốn vay cho hộ nghèo (Kiến nghị số 128 – Cử tri tỉnh Bến Tre).

Vấn đề này có nhiều ý kiến khác nhau, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu chính sách hỗ trợ hộ

nghèo theo hướng phân loại các nhóm đối tượng và có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với các nhóm đối tượng này; giảm dần các chính sách hỗ trợ trực tiếp (cho không) đối với một số nhóm cụ thể, đồng thời tăng dần các chính sách vay vốn, tín dụng ưu đãi để hỗ trợ phát triển sản xuất, học nghề, tạo việc làm, khuyến khích người nghèo tự vươn lên thoát nghèo; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo giai đoạn mới.

11. Chính sách hỗ trợ, chăm lo cho người khuyết tật còn nhiều bất cập, chưa khuyến khích người khuyết tật hòa nhập với cộng đồng xã hội. Cử tri đề nghị nhà nước quan tâm triển khai thực hiện Nghị định số 13/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách giúp các đối tượng bảo trợ xã hội (Kiến nghị số 135 – Cử tri tỉnh Bình Dương).

Trong thời gian qua nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ, chăm lo đời sống cho người khuyết tật, Quốc hội đã ban hành Luật người khuyết tật, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật. Người khuyết tật được nhà nước trợ giúp về chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, việc làm, văn hóa, giải trí, du lịch... Người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP. Từ ngày 01/01/2015, người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng thuộc diện hộ nghèo được hưởng trợ cấp xã hội với mức chuẩn là 270.000 đồng/người/tháng (tăng 1,5 lần so với mức cũ), cải thiện đời sống người khuyết tật, góp phần ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng. Theo báo cáo của các địa phương, các chính sách nêu trên đã và đang được thực hiện tốt; ngân sách trung ương cân đối đủ kinh phí thực hiện trợ cấp xã hội cho những tỉnh không tự cân đối được ngân sách.

12. Kiến nghị các ngành chức năng nghiên cứu việc chi chế độ chính sách, chế độ bảo trợ xã hội qua thẻ ATM để thuận tiện cho người dân trong việc hưởng các chế độ chính sách của nhà nước (Kiến nghị số 208 – Cử tri tỉnh Bình Dương).

Theo quy định hiện nay (Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013) việc chi trả trợ cấp xã hội được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng thông qua Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tổ chức dịch vụ chi trả tại địa bàn xã hoặc nơi cư trú của đối tượng.

Về việc chi trả qua thẻ ATM là hình thức chi trả hiện đại, rất thuận lợi đối với người dân, tuy nhiên ở địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo thì đối tượng chưa tiếp cận được cây ATM. Đối với khu vực thành thị, món tiền trợ cấp xã hội nhỏ nên chưa có ngân hàng thương mại nào đăng ký

cung cấp dịch vụ. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xin tiếp thu ý kiến của cử tri và sẽ nghiên cứu ứng dụng dịch vụ vào thời điểm thích hợp.

II. VỀ CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO

A. Trả lời theo Công văn số 488/BDN ngày 05/12/2014 của Ban Dân nguyện

1. Kiến nghị chung liên quan đến chính sách giảm nghèo: Cử tri phản ánh Chính phủ ban hành nhiều chính sách giảm nghèo, nguồn vốn lớn, nhưng manh mún, dàn trải, mang tính bình quân nên hiệu quả mang lại chưa cao, chưa giải quyết căn cơ, các hộ nghèo chưa thoát nghèo bền vững, tỷ lệ thoát nghèo chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Đề nghị cần điều tra, rà soát, thống kê lại chính sách, nhằm có sự điều chỉnh, sửa đổi phù hợp và tập trung nguồn lực. Đồng thời, trong công tác đánh giá hộ nghèo cần đa chiều, điều chỉnh cho phù hợp, để có giải pháp thực hiện các chính sách thoát nghèo bền vững. Đề nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ liên quan trong thời gian tới nghiên cứu, đề xuất Chính phủ xem xét theo hướng hỗ trợ, khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo tích cực và chủ động hơn trong sản xuất, phát triển kinh tế, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư. Đồng thời cử tri kiến nghị không đưa các đối tượng là người già yếu, neo đơn; người tàn tật thuộc diện xét người nghèo để có chính sách bảo trợ phù hợp hơn. Đề nghị tách bạch chính sách an sinh xã hội và chính sách giảm nghèo. Hiện nay, việc thực hiện hai chính sách này trong cùng một chương trình chưa tạo động lực cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo, người dân có tư tưởng chờ Nhà nước hỗ trợ (*Kiến nghị số 126, 132, 142, 143, 145, 146 – Cử tri tỉnh An Giang, Bình Định, Hải Dương, Yên Bái, Gia Lai, thành phố Hồ Chí Minh*)

Để tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo trong giai đoạn tới, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đến năm 2020, trong đó chỉ đạo năm 2015 tập trung hoàn thành việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách giảm nghèo và sắp xếp, điều chỉnh theo hướng tập trung chính sách, nguồn lực, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp; Xây dựng chuẩn nghèo mới theo phương pháp tiếp cận đa chiều nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; hoàn thiện tiêu chí phân loại và quy trình xác định đối tượng, địa bàn nghèo. Điều tra, phân loại và công bố tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo mới...

Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các Bộ, ngành rà soát, đề xuất sửa đổi cơ chế, chính sách giảm nghèo theo hướng bền

vững; nghiên cứu xây dựng chuẩn nghèo mới theo phương pháp tiếp cận đa chiều, dự kiến trong Quý I/2015 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổng thể đổi mới phương pháp tiếp cận nghèo đói từ đơn chiều sang đa chiều ở Việt Nam. Đồng thời, Bộ cũng đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2324/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 trong đó có quy định rõ nhiệm vụ của các Bộ, ngành trong việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách giảm nghèo do các Bộ, ngành quản lý.

Định hướng các chính sách giảm nghèo giai đoạn tới sẽ tập trung tác động đến đối tượng là người nghèo, người cận nghèo; hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ có thu nhập trung bình; cộng đồng. Trong đó, ưu tiên đối tượng hộ nghèo dân tộc thiểu số rất ít người đặc biệt khó khăn, hộ nghèo dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, hộ nghèo chung, hộ cận nghèo. Từ việc phân loại chi tiết các đối tượng này để có chính sách tác động phù hợp giữa chính sách an sinh xã hội và chính sách giảm nghèo (*đối với hộ nghèo mà trong hộ không có thành viên còn khả năng lao động sẽ sử dụng chính sách bảo trợ xã hội để tác động*)... Hướng tới xây dựng các chính sách hỗ trợ gắn với điều kiện, giảm dần chính sách hỗ trợ cho không, tránh tư tưởng ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của nhà nước, khuyến khích người nghèo, vùng nghèo chủ động vươn lên thoát nghèo.

Bên cạnh đó, chính sách giảm nghèo sẽ mở rộng ra cho các đối tượng hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, tạo điều kiện cho hộ thoát nghèo bền vững (chính sách y tế, giáo dục, tín dụng...).

2. Cử tri băn khoăn việc ban hành văn bản pháp luật hiện nay mang “hội chứng chính sách cho người nghèo”. Bất kỳ đạo luật, văn bản chính sách nào cũng đều có quyền lợi của người nghèo, cử tri cho rằng cách làm này không những không giúp người nghèo thoát nghèo, mà tạo tâm lý người nghèo không muốn thoát nghèo gây bất bình đẳng trong xã hội. Do vậy cần nghiên cứu xem xét ban hành văn bản luật, chính sách riêng cho người nghèo mà không quy định rải rác ở nhiều đạo luật khác nhau như hiện nay vừa khó giám sát vừa khó thực hiện (Kiến nghị số 133 – Cử tri tỉnh Thái Bình).

Để thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn cả nước, đặc biệt là những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (huyện nghèo, xã nghèo, xã an toàn khu, xã biên giới...), tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ sản xuất, y tế, giáo dục, nhà ở... Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật về giảm nghèo nhằm tác động đa chiều đến mọi mặt đời sống của người nghèo nhằm giúp người nghèo, hộ nghèo tự vươn lên thoát nghèo như nhóm chính sách về việc làm, tăng thu nhập (cho vay vốn tín dụng ưu đãi, dạy

nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, hỗ trợ phát triển sản xuất) hay chính sách tạo điều kiện cho người nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục.... Tuy nhiên, thời gian qua, do có quá nhiều chính sách giảm nghèo được ban hành nên dẫn đến nguồn lực bị phân tán, mức hỗ trợ thấp, chưa đủ mạnh để thúc đẩy hộ vươn lên thoát nghèo. Bên cạnh đó, còn nhiều chính sách hỗ trợ cho không như chính sách hỗ trợ về gạo, vải mặc, dầu hỏa thấp sáng, cấp tiền điện... đã làm tăng tính ỷ lại, không muốn thoát nghèo của người nghèo.

Để khắc phục tình trạng cử tri nêu, hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các Bộ, ngành rà soát, đề xuất sửa đổi cơ chế, chính sách giảm nghèo và sắp xếp, điều chỉnh theo hướng tập trung chính sách, nguồn lực, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp.

Riêng việc đề xuất nghiên cứu xem xét ban hành văn bản luật, chính sách riêng cho người nghèo mà không quy định rải rác ở nhiều đạo luật khác nhau như hiện nay của cử tri, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội xin ghi nhận ý kiến của cử tri và sẽ nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền.

3. Kiến nghị liên quan đến chuẩn nghèo

Cử tri tiếp tục đề nghị tăng mức chuẩn nghèo, cận nghèo hiện hành cho phù hợp với thực tế của cuộc sống hiện nay của người dân để việc thực hiện các chính sách đối với hộ nghèo đảm bảo đúng, đủ nhằm tạo điều kiện giúp người dân phấn đấu ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững. Mức chuẩn hộ nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân từ 400.000 đồng/người/tháng trở xuống và mức chuẩn hộ nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân từ 500.000 đồng/người/tháng trở xuống là quá thấp so với giá trị vật giá hiện tại. Đồng thời nên có chế độ hỗ trợ theo lộ trình phù hợp cho những hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững, tránh tình trạng tái nghèo hoặc ở ngưỡng nghèo. Đề nghị ban hành tiêu chí giảm nghèo phù hợp với thực tế; vì hiện nay, chỉ có thể giảm nghèo đối với các hộ trong độ tuổi lao động, còn đối với các hộ cao tuổi, tàn tật thì không thể giảm được, đề nghị đưa vào đối tượng bảo trợ xã hội. Đề nghị xem xét, sửa đổi Quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo tại Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/9/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm cho phù hợp với thực tế (Kiến nghị số 107, 129, 138, 144 – Kiến nghị cử tri tỉnh An Giang, Lạng Sơn, Tiền Giang, Khánh Hòa, Quảng Bình, Tuyên Quang, thành phố Hải Phòng)

Chuẩn nghèo hiện hành theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ là căn cứ để nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội

khác của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 2011-2015, để xác định nhóm người nghèo nhất cần ưu tiên hỗ trợ phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước, trên thực tế mức chuẩn nghèo hiện hành không còn phù hợp vì không được cập nhật chỉ số trượt giá hàng năm (CPI).

Theo Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng chuẩn nghèo mới theo phương pháp tiếp cận đa chiều nhằm đáp ứng mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản (như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin...). Phương pháp để tính toán, xác định chuẩn nghèo sẽ mang tính tổng hợp, dựa trên các chỉ số như thu nhập, y tế, giáo dục, nhà ở... Trong cách xác định chuẩn nghèo theo phương pháp đa chiều thì thu nhập chỉ là một trong những chỉ số để xác định hộ gia đình có phải là hộ nghèo, hộ cận nghèo hay không. Phương pháp này sẽ giải quyết được những bất cập, vướng mắc còn tồn tại trong cách xác định chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015, đồng thời phản ánh chính xác hơn tình trạng nghèo của các hộ gia đình.

Bộ cũng đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020, theo đó chính sách giảm nghèo giai đoạn tới sẽ chủ yếu tập trung hướng tới xây dựng các chính sách hỗ trợ gắn với điều kiện, giảm dần chính sách hỗ trợ cho không, tránh tư tưởng ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của nhà nước, khuyến khích người nghèo, vùng nghèo chủ động vươn lên thoát nghèo, ban hành các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để vươn lên thoát nghèo bền vững.

Trong quá trình thực hiện công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, một số địa phương đã phản ánh về tiêu chí xác định hộ nghèo theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/9/2012 là chưa thực sự phù hợp khi một số hộ gia đình thuộc đối tượng người cao tuổi, người tàn tật, không có khả năng lao động, sản xuất để vươn lên thoát nghèo. Để khắc phục tình trạng nêu trên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các địa phương khi xây dựng, ban hành Thông tư số 24/2014/TT-BLĐTBXH ngày 6/9/2014 với việc đưa ra tiêu chí xác định các đối tượng hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo (*là hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách người có công hoặc chính sách bảo trợ xã hội nhưng có ít nhất một thành viên trong hộ còn khả năng lao động*) và đối tượng hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội (*là hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội và không còn thành viên nào trong hộ có khả năng lao động*) để có thể đưa các đối tượng này ra khỏi tiêu chí xác định kết quả giảm nghèo chung để đảm bảo phản ánh rõ ràng, khách quan hơn kết quả giảm nghèo hàng năm tại các địa phương.

Đồng thời, qua kết quả điều tra, các địa phương có thể xác định rõ được các đối tượng hộ nghèo có thể vươn lên thoát nghèo nếu được tác động từ các chính sách hỗ trợ sinh kế, là cơ sở để xây dựng kế hoạch giảm nghèo hàng năm tại các địa phương một cách chính xác và hiệu quả.

4. Về tiêu chí hộ nghèo, cử tri đề nghị giữ nguyên mức 3% sẽ khó đạt, đề nghị mức từ 3-5% là phù hợp (Kiến nghị số 147 – Cử tri tỉnh Hà Nam).

Theo kiến nghị của cử tri về chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới áp dụng cho khu vực Đồng bằng sông Hồng nếu giữ nguyên mức 3% sẽ khó đạt, đề nghị điều chỉnh mức từ 3-5% cho phù hợp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

Tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ngày 18/12/2014, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình đã khẳng định: “việc công nhận các xã đạt tiêu chí nông thôn mới cần phải mang tính thực chất, các xã phải nỗ lực phấn đấu để đạt được các tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, không vì để đạt thành tích mà hạ thấp các tiêu chí”.

Do đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin ghi nhận kiến nghị của cử tri và sẽ có ý kiến với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để nghiên cứu, điều chỉnh các tiêu chí cho phù hợp.

5. Kiến nghị liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững: Cử tri đề nghị xây dựng kế hoạch tổng thể Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo toàn quốc, giao chỉ tiêu cho các địa phương tỷ lệ giảm nghèo cụ thể, xây dựng mô hình điểm giảm nghèo... tương ứng với nguồn lực của từng địa phương. Đề nghị quy định cụ thể mức kinh phí tối thiểu của chương trình mà các địa phương tự cân đối ngân sách phải thực hiện (Kiến nghị số 139, 140a – Cử tri thành phố Hải Phòng, Hà Giang).

Thực hiện Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành (tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 8/10/2012 và Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 29/5/2013). Hàng năm, căn cứ thông báo nguồn vốn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng kế hoạch và phân bổ vốn cho các Bộ, ngành và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, trong đó có xây dựng chỉ tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo cụ thể cho từng cơ quan, tỉnh/thành phố và gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, giao vốn, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho Bộ, ngành, địa phương.

Về quy định mức kinh phí tối thiểu của chương trình mà địa phương tự cân đối, Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015 đã quy định Ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư 36 xã/2.331 xã ĐBKK của Chương trình 135 (cụ thể là các tỉnh, thành phố Hà Nội, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu), định mức đầu tư theo quy định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/4/2013 phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Trong thời gian tới, để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở giao kế hoạch trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công, các địa phương sẽ chủ động trong việc lựa chọn danh mục đầu tư để làm sao đầu tư hiệu quả, dứt điểm trong năm, tránh tình trạng đầu tư dàn trải như hiện nay.

B. Trả lời theo công văn số 10247/VPCP-V.III ngày 22/12/2014 của Văn phòng Chính phủ

1. Cử tri đề nghị nhà nước xem xét mở rộng đối tượng các hộ thuộc diện trung bình ở vùng đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo như: hỗ trợ lãi suất vay vốn sản xuất, kinh doanh... Vì trên thực tế khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa hộ trung bình với hộ cận nghèo và hộ nghèo là không nhiều. Qua đó hạn chế những thắc mắc, so bì trong nhân dân (Kiến nghị số 1 – Cử tri tỉnh Yên Bái).

Do nguồn lực có hạn nên hiện nay nhóm hộ nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình mới được nhà nước hỗ trợ tham gia Bảo hiểm Y tế theo Quyết định số 32/2004/QĐ-TTg ngày 27/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2014-2015 để làm cơ sở hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm y tế.

Định hướng chính sách giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 sẽ tập trung các giải pháp tác động đến đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo; Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xin tiếp thu ý kiến của cử tri đề cùng với các Bộ, ngành nghiên cứu về các chính sách hỗ trợ hộ có mức sống trung bình phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách trong thời gian tới.

2. Cử tri cho rằng chính sách xóa đói, giảm nghèo thời gian qua đạt được những thành tựu đáng khích lệ, song không đồng đều và chưa bền

vững, các chính sách còn mang tính dàn trải và cào bằng. Bên cạnh đó, một số đối tượng còn có ý thức trông chờ, ỷ lại các chính sách hỗ trợ của nhà nước. Do đó, đề nghị Chính phủ nên có chính sách hỗ trợ hợp lý cần phân biệt những trường hợp nghèo nhưng chí thú làm ăn và những trường hợp lười lao động nhằm tập trung nguồn lực, đảm bảo thoát nghèo bền vững (Kiến nghị số 4 – Cử tri tỉnh Sóc Trăng).

Ngày 24 tháng 6 năm 2014 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 76/2014/QH13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đến năm 2020; Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 2324/QĐ-TTg ban hành kế hoạch hành động triển khai Nghị Quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đến năm 2020, trong đó chỉ đạo điều chỉnh theo hướng tập trung chính sách, nguồn lực, khắc phục sự chùng chểo, trùng lặp.

Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các Bộ, ngành rà soát, đề xuất sửa đổi cơ chế, chính sách giảm nghèo theo hướng bền vững; nghiên cứu xây dựng chuẩn nghèo mới theo phương pháp tiếp cận đa chiều. Định hướng các chính sách giảm nghèo giai đoạn tới theo hướng: có phân loại mức độ hỗ trợ theo hướng ưu tiên cho các đối tượng khó khăn nhất, hạn chế các hình thức hỗ trợ cho không, chuyển sang hỗ trợ có hoàn trả, có điều kiện, có thời gian để không tạo sự ỷ lại vào chính sách; tạo môi trường, cơ sở hạ tầng để người dân có điều kiện tổ chức sản xuất, cải thiện đời sống, từng bước nâng cao thu nhập.

3. Đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành cho một số huyện được hưởng chính sách hỗ trợ theo Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ (Kiến nghị số 5, 8 - Cử tri tỉnh Đắk Lắk, Sơn La)

Tới thời điểm hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân một số tỉnh, trong đó có tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Sơn La về việc xem xét, trình Chính phủ bổ sung một số huyện vào danh mục các huyện nghèo được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 30a của Chính phủ. Trên cơ sở đề xuất của các địa phương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Ý kiến của các Bộ, ngành đều thống nhất quan điểm: Trong thời điểm khó khăn của ngân sách hiện nay, trước mắt cần tập trung nguồn vốn cho những huyện nghèo theo Nghị quyết 30a và các huyện hưởng cơ chế hỗ trợ bằng 70% so với các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a. Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có báo cáo Thủ tướng Chính phủ thời gian trước mắt sẽ chưa xem xét bổ sung thêm huyện nghèo. Hiện Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đang chờ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

4. Đề nghị Chính phủ xem xét, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số “gìn giữ bản sắc dân tộc” vào Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ để tạo điều kiện cho các huyện nằm trong diện 30a thực hiện được mục chi trên (Kiến nghị số 6 – Cử tri tỉnh Quảng Nam).

Chính sách “Gìn giữ bản sắc Dân tộc” theo kiến nghị của cử tri nằm trong các nhiệm vụ thường xuyên do Ủy ban Dân tộc phụ trách quản lý và tổ chức thực hiện theo chức năng được giao. Mặt khác, trong những năm qua, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trình Chính phủ ban hành nhiều chính sách liên quan đến việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

III. VỀ CHÍNH SÁCH PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Cần có quy định bổ sung hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ không đăng ký Bản cam kết về phòng, chống tệ nạn mại dâm với chính quyền địa phương. Vì căn cứ vào khoản 3, Điều 11 Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15/10/2004 của Chính phủ không quy định hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ sở không thực hiện bản cam kết. Đề nghị giao thẩm quyền cho Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội các tỉnh, thành phố được ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội nói chung và tệ nạn mại dâm nói riêng để phát huy tốt vai trò, chức năng nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách tham mưu quản lý Nhà nước về lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội (Kiến nghị số 211, 212 – Cử tri thành phố Hồ Chí Minh)

Việc xử phạt đối với các hành vi phạm hành chính liên quan đến tệ nạn mại dâm được quy định từ Điều 22 - Điều 25, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, cháy chữa cháy và phòng, chống bạo lực gia đình. Theo đó, các hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính bao gồm các hành vi trực tiếp liên quan đến hoạt động mại dâm như: Hành vi mua dâm, bán dâm; Các hành vi khác liên quan mua, bán dâm; Hành vi lợi dụng kinh doanh dịch vụ để hoạt động mua bán dâm. Đối với hành vi không đăng ký Bản cam kết về phòng, chống tệ nạn mại dâm của chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ với chính quyền địa phương: Đây là hành vi có lỗi của chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ. Tuy nhiên, hành vi này không phải là điều kiện trực tiếp để hoạt động mại dâm xảy ra nên không bị coi là vi phạm hành chính và không bị xử phạt vi phạm hành chính. Chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ sẽ bị nhắc nhở và đề nghị bổ sung Bản cam kết về phòng, chống tệ nạn mại dâm.

Đội kiểm tra liên ngành 178 là đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về phòng, chống mại dâm tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ để bị

lợi dụng để hoạt động mại dâm. Đến nay, Đội Kiểm tra liên ngành phòng, chống mại dâm tại 63 tỉnh, thành phố đã từng bước được kiện toàn, mang tính hệ thống từ cấp tỉnh, huyện, xã. Tuy nhiên, Đội trưởng Đội Kiểm tra liên ngành lại không có thẩm quyền xử phạt các vi phạm hành chính về phòng, chống tệ nạn mại dâm và các hành vi liên quan. Vì vậy, mặc dù quá trình kiểm tra, thanh tra đã kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm về pháp luật phòng, chống mại dâm nhưng công tác xử lý, chấn chỉnh các vi phạm đó lại chưa được đảm bảo, tiến độ xử lý các vi phạm chậm, chưa kịp thời điều chỉnh các hình thức sai phạm, tính răn đe đối tượng vi phạm chưa cao dẫn tới hiệu quả công tác phòng, chống mại dâm bị hạn chế. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xin tiếp thu kiến nghị của cử tri để nghiên cứu, tham mưu với Chính phủ giao chức năng thanh tra chuyên ngành cho cơ quan chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực phòng, chống mại dâm thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, cũng như giao thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Đội trưởng Đội kiểm tra liên ngành 178.

2. Kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì nghiên cứu, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2009/NĐ-CP và Nghị định 221/2013/NĐ-CP về quản lý sau cai cho phù hợp; nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống ma túy hoặc ban hành 01 luật riêng về cai nghiện (Kiến nghị số 213 - Cử tri thành phố Hồ Chí Minh, Nam Định).

1. Vấn đề về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2009/NĐ-CP và Nghị định 221/2013/NĐ-CP: Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp (công văn số 2298/TTg-KGVX ngày 14 tháng 11 năm 2014) rà soát, đánh giá tổng thể việc thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy và các văn bản pháp luật khác có liên quan để kiến nghị chung, bao quát; lập danh mục những văn bản cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan chủ trì, thời điểm tiến hành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Vấn đề nghiên cứu sửa đổi bổ sung Luật Phòng, chống ma túy hoặc ban hành 01 Luật riêng về cai nghiện: Tại Công văn số 07/PCAIDSMTMD ngày 25/01/2014 của Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm về chương trình công tác năm 2014 đã giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, đề xuất trình Quốc hội xem xét đưa vào chương trình để xây dựng Luật dự phòng và điều trị nghiện ma túy. Đồng thời tại Báo cáo số 451/BC-CP ngày 25 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về tình hình nghiện ma túy, công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện, Chính phủ cũng đề xuất với Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình xây dựng Luật pháp Khóa XIV về Dự án Luật dự phòng và cai nghiện nghiện ma túy để thống nhất các quy định pháp luật hiện hành về lĩnh vực cai nghiện.

3. Hiện nay, việc triển khai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên theo Luật xử lý vi phạm hành chính do Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2014 nhưng đến nay chưa thực hiện được do thiếu các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành. Đề nghị khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cai nghiện (Kiến nghị số 214 - Cử tri thành phố Hồ Chí Minh).

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành đã ban hành nhiều văn bản để hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20 tháng 01 năm 2013 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định:

Nghị định số 221/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 12 năm 2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Nghị định số 111/2013/NĐ-P của Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 2013 quy định về chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 7 năm 2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Các Bộ, ngành đã ban hành các Thông tư, Quyết định:

Thông tư số 14/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 12 tháng 6 năm 2014 Ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thông tư số 20/2013/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 25/9/2014 Ban hành các biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý hành chính quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên theo quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Quyết định số 3556/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ngày 10/9/2014 ban hành “hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các rối loạn tâm thần thường gặp do sử dụng ma túy tổng hợp dạng Amphetamine.

Công văn số 74/TANDTC-KHXT của Tòa án nhân dân tối cao về việc xem xét quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính đang tiếp tục được ban hành, bổ sung, hoàn thiện để rút ngắn thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên.

4. Đề nghị cần quan tâm, đầu tư cho công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng. Quy định của pháp luật về cai nghiện tại gia đình và cộng đồng còn nhiều bất cập. Kiến nghị Bộ Tư pháp, Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế theo thẩm quyền đôn đốc, hỗ trợ các địa phương thực hiện áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn cùng với công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng (Kiến nghị số 215 - Cử tri thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre).

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 09 năm 2013 quy định về chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 20/2014/TT-BTP ngày 25/09/2014 quy định các biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; biện pháp thay thế xử lý hành chính quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên. Nghị định 111/2013/NĐ-CP đã quy định kết hợp biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với biện pháp cai nghiện tại gia đình và cộng đồng (Điều 18 Nghị định 111/2013/NĐ-CP).

Để tăng cường hiệu quả công tác cai nghiện nói chung và công tác cai nghiện tại cộng đồng nói riêng, ngày 26/12/2014 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 98/NQ-CP về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới, trong đó giao Bộ Tài chính xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích cai nghiện tự nguyện và đẩy mạnh xã hội hóa công tác cai nghiện.

5. Với đặc thù đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đông và phức tạp về tính chất mức độ vi phạm tập trung nhiều đối tượng nghiện ma túy từ các địa phương khác đến... kiến nghị cho phép Thành phố Hồ Chí Minh được thí điểm áp dụng giao chức năng quản lý, cắt con, giải độc, tư vấn tâm lý (Kiến nghị số 216 - Cử tri thành phố Hồ Chí Minh).

Nghị quyết 77/2014/NQ-QH13 ngày 10/11/2014 của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 đã giao Chính phủ hướng dẫn, chỉ đạo địa phương tạm thời giao trung tâm, cơ sở xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp nhận người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Căn cứ nhiệm vụ được giao, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/12/2014 về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới trong đó hướng dẫn việc tổ chức thành lập và hoạt động của cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội. Đến nay, một số địa phương đã triển khai thành lập các cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội trong đó thành phố Hồ Chí Minh có 3 cơ sở là Bình Triệu, Nhị Xuân và Trung tâm giáo dục dạy nghề Thanh Thiếu niên 2.

6. Cử tri phản ánh, Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, ngày 30/12/2013 của Chính phủ có hiệu lực thi hành ngày 15/2/2014; Thông tư 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có hiệu lực từ ngày 15/8/2014 hướng dẫn về quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Các biểu mẫu quá rườm rà, phức tạp, rất khó cho các địa phương thực hiện việc đưa được đối tượng nghiện vào trung tâm cai nghiện bắt buộc. Cử tri đề nghị điều chỉnh thuận lợi cho địa phương thực hiện (Kiến nghị số 217 - Cử tri thành phố Hồ Chí Minh, Lào Cai).

Nghị định số 221/2013/NĐ-CP và Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH đã quy định và hướng dẫn biện pháp thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính. Về quy trình trình tự các thủ tục phải qua các bước đúng như quy định của Luật XLVPHC nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của người bị áp dụng, do vậy thủ tục đòi hỏi yêu cầu phải rõ ràng, công khai và minh bạch. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật liên quan đến việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người nghiện và biện pháp cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, điều trị nghiện bằng thuốc thay thế, áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc còn nhiều điểm chưa tương thích. Trong thời gian tới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

7. Đề nghị sớm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành và các biểu mẫu thực hiện Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013. Tây Ninh hiện nay vẫn chưa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy; thời gian làm thủ tục đưa đối tượng cai nghiện vào Trung tâm rất dài, trong khi đó có những nội dung của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP không thể thực hiện được (điển hình là về hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa người nghiện ma túy vào Trung

tâm cai nghiện phải có giấy xác nhận hết thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình hoặc cộng đồng của Chủ tịch UBND xã). Tây Ninh nói riêng và các tỉnh, thành phố của Việt Nam rất khó khăn và không thể triển khai một số quy định của Nghị định 94/2010/NĐ-CP và Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (Kiến nghị số 218 - Cử tri tỉnh Tây Ninh).

1. Về hướng dẫn thi hành các biểu mẫu: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2014 ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Về hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: Nghị định 111/2013/NĐ-CP quy định kết hợp biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với biện pháp cai nghiện tại gia đình và cộng đồng (Điều 18 Nghị định 111/2013/NĐ-CP); mặt khác, Khoản 3, Điều 16, Nghị định 81/2013/NĐ-CP quy định việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không áp dụng đối với người đang tham gia các chương trình cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy. Để phù hợp với 02 Nghị định trên, Nghị định 221/2013/NĐ-CP phải quy định về hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải có giấy xác nhận hết thời hạn cai nghiện tại cộng đồng.

Để đơn giản hóa thủ tục, thời gian lập hồ sơ, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, sửa đổi để phù hợp với thực tế.

Trên đây là nội dung trả lời kiến nghị cử tri của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, kính gửi Quý Ban tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ QH;
- Trưởng đoàn ĐBQH 63 tỉnh, thành phố;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, Cục BTCX, Cục PCTNXH, VPQGGN;
- Lưu: VT, TKTH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Đàm